

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 8846UBND-VP

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019

V/v báo cáo kết quả giám sát tài
chính 6 tháng đầu năm 2019.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Căn cứ:

- Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của 02 doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu sở hữu 100% vốn, bao gồm: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Vũng Tàu và Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp;

- Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của 09 doanh nghiệp có vốn góp chi phối, bao gồm: Công ty CP Phát triển công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu, Công ty CP DV Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu, Công ty CP dịch vụ đô thị Bà Rịa, Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức, Công ty CP Công trình Giao thông, Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu, Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất, Công ty CP Du lịch Tỉnh BR-VT và Công ty CP XD và phát triển đô thị BR-VT;

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Kính trình Bộ Tài chính xem xét./.

(Đính kèm:

- Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính;

- Biểu Tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính các doanh nghiệp có vốn nhà nước.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: TC, KH&ĐT, NV; GTVT; NN&PTNT; DL, XD; LĐTB&XH;
- 12 DN;
- Lưu: VT, TH ch



CHỦ TỊCH nmh

Nguyễn Thành Long



TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

(Kèm theo công văn số 8846/UBND-VP ngày 04/9 /2019 của UBND tỉnh BR-VT)

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp nhà nước		Doanh thu (trđồng)	Lợi nhuận thực hiện (trđồng)	Lợi nhuận sau thuế (trđồng)	Phải nộp ngân sách (trđồng)	Ghi chú
			Giá trị	Tỷ lệ					
I	Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ								
1	Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu	34.000	20.400	60,0%	105.424	5.023	4.019	3.591	
2	Công ty CP DV Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu	54.000	35.100	65,0%	51.714	8.070	6.452	7.180	
3	Công ty CP dịch vụ đô thị Bà Rịa	45.420	34.938	76,9%	33.204	10.053	8.042	4.585	
4	Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức	17.420	11.520	66,1%	18.926	1.815	1.448	1.500	
5	Công ty CP Công trình Giao thông	78.000	42.310	54,2%	217.698	3.583	2.866	5.780	
6	Công ty CP dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	164.238	130.026	79,2%	127.175	60.586	48.463	18.504	
7	Công ty CP Cao Su Thống Nhất	192.500	98.175	51,0%	68.051	38.026	37.112	8.734	
8	Công ty CP Du lịch Tỉnh BR-VT	186.445	109.784	58,9%	51.519	(1.505)	(1.505)	20.505	
9	Công ty CP XD và phát triển đô thị BR-VT	350.000	236.912	67,7%	200.798	(2.222)	(3.215)	5.875	
Tổng		1.122.022	719.164	64,1%	874.509	123.429	103.682	76.253	

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính	Ghi chú
	Công ty TNHH MTV độc lập					
1	Công ty TNHH MTV Xô sô kiên thiết Vũng Tàu	1.847.606	293.639	905.938		
2	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BR- VT	11.491	(1.392)	441		
	Tổng	1.859.097	292.247	906.379		

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019

CHỦ TỊCH *mmh**ong*
Nguyễn Thành Long

BRIDGE LUTHER



Handwritten scribble

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo: 6 tháng đầu 2019**

1. Thông tin chung:

Vốn điều lệ Công ty là 350.000 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 236.912 triệu đồng chiếm tỷ lệ 67,69% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. So với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2019		So sánh
		Kế hoạch	6 tháng đầu năm	
		1	2	3 = 2/1
1	Doanh thu và thu nhập khác	501.700	200.798	40,02%
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	4.650	-2.222	-47,78%
3	Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	7.000	5.875	83,93%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,23%	-0,8%	

2.2. So với thực hiện cùng kỳ năm 2018:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	1.118.340	1.071.148	-47.192	95,78%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	519.132	502.305	-16.827	96,76%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	399.674	403.208	3.534	100,88%
	<i>Trong đó: Vốn CSH</i>	367.554	367.554	0	100,00%
3	Tổng doanh thu	108.310	200.798	92.488	185,39%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Doanh thu hoạt động SXKD	108.068	200.476	92.408	185,51%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	1.440	37	-1.403	2,57%
4	Tổng chi phí	114.947	203.020	88.072	176,62%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	97.801	188.449	90.648	192,69%
	- Chi phí hoạt động tài chính	10.935	14.190	3.255	129,77%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
5	Lợi nhuận trước thuế	-6.638	-2.222	4.416	33,47%
6	Chi phí thuế TNDN	9	993	984	11413,79%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-6.647	-3.215	3.431	48,37%
8	Nợ phải thu ngắn hạn	217.073	216.070	-1.003	99,54%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	499.614	468.193	-31.421	93,71%
10	Hàng tồn kho	217.073	350.486	133.413	161,46%
11	Hệ số nợ / tổng tài sản	0,64	0,67		
12	Hệ số nợ / nguồn vốn CSH	1,80	1,78		
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	-1,7%	-0,8%		
14	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	-6,1%	-1,6%		
15	Hệ số thanh toán hiện thời	0,96	0,93		
16	Hệ số thanh toán nhanh	0,54	0,23		
17	Hệ số bảo toàn vốn		1,00		

(Nguồn số liệu theo BCTC hợp nhất Quý II năm 2018, 2019 của công ty đã soát xét)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019 là 1.017.148 triệu đồng, bằng 95,78% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nợ phải thu ngắn hạn là 216.070 triệu đồng, bằng 99,54% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nguồn vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019 là 403.208 triệu đồng, bằng 100,88% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nợ phải trả ngắn hạn là 468.193 triệu đồng, bằng 93,71% so với cùng kỳ năm 2018.

- Hệ số thanh toán hiện thời của công ty mẹ là 0,93 lần. Điều này cho thấy công ty có khả năng không đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty mẹ là 0,67 nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 67 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay và nguồn vốn chiếm dụng.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu theo số liệu báo cáo của công ty mẹ là 1,78 nghĩa là cứ 1 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 1,78 đồng là vốn huy động từ bên ngoài và vốn chiếm dụng.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 của công ty là 200.798 triệu đồng bằng 185,51% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 40,02% tổng doanh thu kế hoạch năm 2019 đã được chủ sở hữu giao.

- Trong 6 tháng năm 2019, Công ty có khoản lỗ sau thuế là 3.215 triệu đồng.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời:

Công ty sử dụng vốn không hiệu quả thể hiện qua khoản lỗ lũy kế trong 6 tháng năm 2019.

b. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Số phát sinh phải nộp ngân sách hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019 của công ty là 5.875 triệu đồng.

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Tình hình thực hiện thoái vốn:

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 110 /KH-UBND ngày 11/10/2017 của UBND Tỉnh thì Công ty thuộc danh sách các Công ty thực hiện thoái vốn trong năm 2019.

- Tỷ lệ thoái 67,69% phần vốn nhà nước;

- Tỷ lệ vốn Nhà nước còn nắm giữ sau khi thoái vốn: 0%/vốn điều lệ.

Người đại diện phối hợp với Công ty và các cơ quan chức năng đang triển khai thực hiện công tác thoái vốn theo kế hoạch của UBND Tỉnh.

4. Kết luận của chủ sở hữu:

Đến thời điểm 30/6/2019, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả; nợ phải trả vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu nguồn vốn, khả năng trả nợ còn thấp.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *mmh*

Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

I. Thông tin chung

Vốn điều lệ Công ty là 186.445 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 109.784 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 58,88% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Bảng phân tích số liệu

ĐVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2018	Năm 2019	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	232.727	230.696	-2.031	99,1%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>55.683</i>	<i>62.716</i>	<i>7.033</i>	<i>112,6%</i>
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	163.115	164.986	1.871	101,1%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	197.685	197.685	0	100,0%
4	Hàng tồn kho	1.279	1.284	5	100,4%
5	Nợ phải thu	17.998	12.910	-5.088	71,7%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>18.844</i>	<i>18.844</i>	<i>0</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	<i>17.484</i>	<i>12.410</i>	<i>-5.074</i>	<i>71,0%</i>
6	Nợ phải trả	69.613	65.710	-3.903	94,4%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả quá hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	<i>- Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>51.979</i>	<i>49.225</i>	<i>-2.754</i>	<i>94,7%</i>
7	Tổng doanh thu	54.972	51.519	-3.453	93,7%
8	Lợi nhuận trước thuế	2.605	-1.505	-4.110	
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.605	-1.505	-4.110	
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,30	0,28		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,35	0,33		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	1,32%	-0,76%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	4,74%	-2,92%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	1,07	1,27		
15	Hệ số thanh toán nhanh	1,05	1,25		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2018, 2019 của công ty mẹ)

2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019

2.1. Tình hình tài chính

- Tổng tài sản của công ty là 230.696 triệu đồng, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nợ phải thu là 12.910 triệu đồng, giảm 28,3% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó, nợ phải thu khó đòi là 18.844 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty là 164.986 triệu đồng, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nợ phải trả là 65.710 triệu đồng, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó, nợ phải trả ngắn hạn là 49.225 triệu đồng, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2018.

- Lỗ lũy kế đến 30/06/2019 là 32.699 triệu đồng.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 51.519 triệu đồng, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 40,7% so với kế hoạch giao.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là -1.505 triệu đồng.

2.3. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán hiện thời của công ty là 1,27 lần. Điều này cho thấy công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty là 0,28 (nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 28 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay và nguồn vốn chiếm dụng).

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty mẹ là 0,33 (nghĩa là cứ 100 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 33 đồng là vốn huy động từ bên ngoài và vốn chiếm dụng).

3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là -0,76%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là -2,92%.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

5. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty kinh doanh không hiệu quả, lỗ lũy kế tính đến ngày 30/6/2019 là 32.699 triệu đồng.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *mmh*

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

I. Thông tin chung

Vốn điều lệ: 192.500 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 98.175 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Bảng phân tích số liệu:

Đvt: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2018	Năm 2019	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	323.486	352.936	29.450	109,1%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	181.252	209.415	28.163	115,5%
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	306.201	325.086	18.885	106,2%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	286.578	287.974	1.396	100,5%
4	Hàng tồn kho	7.187	13.342	6.155	185,6%
5	Nợ phải thu	5.618	9.234	3.616	164,4%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	5.511	5.139	-372	93,2%
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	5.618	9.234	3.616	164,4%
6	Nợ phải trả	17.284	27.850	10.566	161,1%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả quá hạn</i>				
	<i>- Nợ phải trả ngắn hạn</i>	17.284	18.850	1.566	109,1%
7	Tổng doanh thu	40.807	68.051	27.244	166,8%
8	Lợi nhuận trước thuế	18.431	38.026	19.595	206,3%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	17.731	37.112	19.381	209,3%
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,05	0,08		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,06	0,10		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	6,19%	12,89%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	43,45%	54,54%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	10,49	11,11		
15	Hệ số thanh toán nhanh	10,07	10,40		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2018, 2019 của công ty)

2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp trong 6 tháng đầu năm 2019

a) Tình hình tài chính

- Tổng tài sản của Công ty là 352.936 triệu đồng, tăng 29.450 triệu đồng, bằng 109,1% so với cùng kỳ năm 2018.

- Các khoản phải thu là 9.234 triệu đồng, tăng 3.616 triệu đồng, bằng 164,4% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó, nợ phải thu khó đòi là 5.139 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty là 287.974 triệu đồng, tăng 1.396 triệu đồng, bằng 100,5% so với cùng kỳ năm 2018.

- Tổng nợ phải trả là 27.850 triệu đồng, tăng 10.566 triệu đồng, bằng 161,1% so với cùng kỳ năm 2018.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 68.051 triệu đồng, tăng 27.244 triệu đồng, bằng 166,8% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 62,7% so với kế hoạch giao.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 37.112 triệu đồng, tăng 19.381 triệu đồng, bằng 209,3% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 151% so với kế hoạch giao.

c) Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán hiện thời của công ty bằng 11,11 lần; Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt 10,4 lần; Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 0,1 lần, điều này cho thấy trong 100 đồng Công ty đưa vào kinh doanh có 10 đồng là vốn huy động từ bên ngoài.

3. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 12,89%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 54,54%.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 8.734 triệu đồng.

III. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 06 tháng đầu năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn do giá cao su trên thị trường biến động không ổn định. Tuy nhiên, tập thể Công ty luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra và đảm bảo thu nhập ổn định cuộc sống người lao động.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

I. Thông tin chung:

- Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 103751, đăng ký lần đầu ngày 05/11/2012, đăng ký lại lần 1 ngày 20/02/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa....

- Tổng Vốn điều lệ: 164.237,82 triệu đồng. Trong đó vốn góp của nhà nước: 130.025,6 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 79,17% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

1. Bảng phân tích số liệu:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	277.293	295.244	17.951	106,5%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	90.715,8	102.919	12.203,2	113,5%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	214.769	253.006	38.237	117,8%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	185.358,6	204.097,4	18.738,8	110,1%
3	Khoản phải thu ngắn hạn	27.304,6	50.275	22.970,4	184,1%
	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	154,7	157,4	2,7	101,7%
4	Tổng nợ phải trả	62.523,9	42.237,7	-20.286,2	67,6%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	62.083,7	41.779	-20.304,7	67,3%
5	Hàng tồn kho	4.228,5	1.959	-2.269,5	46,3%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	96.950,3	127.175,4	30.225,1	131,2%
	<i>Trong đó:</i>				
	- <i>Doanh thu hoạt động</i>	96.263	125.474,4	29.211,4	130,3%

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
	<i>SXKD</i>				
	- Doanh thu hoạt động tài chính	675	1.701	1.026	252,0%
2	Tổng chi phí	60.686,6	66.589,2	5.902,6	109,7%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	55.678,9	66.576,4	10.897,5	119,6%
	- Chi phí hoạt động tài chính	5.002,6	-13	-5.015,6	-0,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	36.263,7	60.586,2	24.322,5	167,1%
4	Chi phí thuế TNDN	7.253,8	12.123,5	4.869,7	167,1%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.009,9	48.462,7	19.452,8	167,1%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ / tổng tài sản	0,23	0,14	-0,08	63,4%
2	Hệ số nợ/ nguồn vốn CSH	0,29	0,21	-0,08	71,1%
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH	15,7%	23,7%	8,1%	151,7%
4	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	29,9%	38,1%	8,2%	127,4%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	1,46	2,46	1,00	168,6%
6	Hệ số thanh toán nhanh	1,39	2,42	1,02	173,5%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,11	1,18	0,06	105,8%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				
1	Doanh thu công ích	81.038	107.504	26.466	132,7%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	83,6%	84,5%	0,9%	101,1%

(Nguồn số liệu từ báo cáo tài chính 06 tháng năm 2019)

2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản Công ty trong 06 tháng đầu năm 2019 là 295.244 triệu đồng, tăng 17.951 triệu đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2018. Do trong năm 2018 Công ty đã xin chủ trương và đã được UBND tỉnh đồng ý đầu tư đóng mới ca nô vỏ nhôm hợp kim tốc độ cao để đáp ứng yêu cầu cung ứng dịch vụ hoa tiêu, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong quý 3/2019.

- Nguồn vốn chủ sở hữu: 253.006 triệu đồng, bao gồm vốn góp của các cổ đông là 164.238 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 130.026 triệu đồng.

- Nợ phải trả: 42.238 triệu đồng, giảm 20.286 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó thuế và các khoản nộp ngân sách 7.442 triệu đồng, chi phí phải trả ngắn hạn khác 8.370 triệu đồng.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,21 lần nhỏ hơn 1, điều này cho thấy công ty chủ động được tài chính.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2019 là 127.175 triệu đồng, tăng 30.225 triệu đồng, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 61,6% so với chỉ tiêu kế hoạch giao. Trong đó, doanh thu của hoạt động công ích hoa tiêu hàng hải là 107.504 triệu đồng chiếm 84,5% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 48.462 triệu đồng, tăng 67% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 76,8% so với kế hoạch giao.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 23,7%, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 93,7% so với kế hoạch giao.

- Hệ số bảo toàn vốn bằng $1,2 > 1$, doanh nghiệp bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.

Nhận xét: Trong 6 tháng đầu năm 2019, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều tăng cao so với cùng kỳ năm 2018 là do trong năm 2019 Công ty đã ký được hợp đồng với đại lý PTSC về cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho dự án nạo vét luồng Long Sơn.

3. Đánh giá tình hình quản lý, đầu tư sử dụng vốn:

- Đầu tư mua cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà 2.444 triệu đồng chưa mang lại hiệu quả, công ty trích dự phòng giảm giá đầu tư 1.706 triệu đồng.

- Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH cảng Quốc tế Thị Vải đến thời điểm hiện nay là 166.358 triệu đồng (trong đó góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất 42 ha mặt đất và mặt nước trong 50 năm. Giá trị 4.612.500USD) chiếm 25,6% vốn điều lệ của Công ty TNHH cảng Quốc tế Thị Vải. Việc đầu tư vào dự án cảng Quốc tế Thị Vải chưa mang lại hiệu quả, Công ty trích dự phòng 12.787 triệu đồng. Được sự đồng ý của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, hiện nay, công ty đang thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp cho đối tác khác.

4. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Trong 06 tháng đầu năm 2019 Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước 18.504 triệu đồng, trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 12.124 triệu đồng.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 15.955 triệu đồng. Số nợ đọng còn phải nộp NSNN đến 30/6/2019 là 7.442 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích (hoạt động hoa tiêu) trong 06 tháng đầu năm là 107.504 triệu đồng chiếm 85% tổng doanh thu.

6. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 188 người lao động với thu nhập bình quân 30,6 triệu đồng/người/tháng.

7. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty chấp hành tốt các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Nhìn chung, trong 06 tháng đầu năm 2019 Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 13/8/2009.

Vốn điều lệ: 78.000 triệu đồng, trong đó vốn góp của nhà nước là 42.310 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 54,24% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1 Bảng phân tích số liệu

DVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2018	Năm 2019	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	377.454	389.622	12.168	103,2%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>253.657</i>	<i>281.293</i>	<i>27.636</i>	<i>110,9%</i>
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	102.020	102.816	796	100,8%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	85.930	86.331	401	100,5%
4	Hàng tồn kho	75.202	63.651	-11.551	84,6%
5	Nợ phải thu	200.984	197.268	-3.716	98,2%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>1.871</i>	<i>1.871</i>	<i>0</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	<i>178.536</i>	<i>171.054</i>	<i>-7.482</i>	<i>95,8%</i>
6	Nợ phải trả	275.434	286.805	11.371	104,1%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả quá hạn</i>				
	<i>- Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>260.796</i>	<i>278.288</i>	<i>17.492</i>	<i>106,7%</i>
7	Tổng doanh thu	162.564	217.698	55.134	133,9%
8	Lợi nhuận trước thuế	2.788	3.583	795	128,5%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.230	2.866	636	128,5%
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,730	0,736		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	3,205	3,322		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	2,60%	3,32%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	1,37%	1,32%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	0,97	1,01		
15	Hệ số thanh toán nhanh	0,68	0,78		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2018, 2019 của công ty)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2019

a) Tình hình tài chính

- Tổng Tài sản của Công ty là 389.622 triệu đồng, bằng 103,2% so với cùng kỳ năm 2018; Trong đó, tài sản ngắn hạn là 281.293 triệu đồng chiếm tỷ lệ 72,1% tổng tài sản.

- Nợ phải thu là 197.268 triệu đồng, bằng 98,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, nợ phải thu khó đòi là 1.871 triệu đồng.

- Tổng số vốn chủ sở hữu là 86.331 triệu đồng, bằng 100,5% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nợ phải trả là 286.805 triệu đồng, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 217.698 triệu đồng, bằng 133,9% so với cùng kỳ năm trước và đạt 54,4% so với kế hoạch giao.

- Lợi nhuận sau thuế là 2.866 triệu đồng, bằng 128,5% so với cùng kỳ năm trước và đạt 28,66% so với kế hoạch giao.

c) Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt 0,78; Công ty không có khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản của Công ty là 0,736 nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản của Công ty có 73,6 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay.

- Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 3,322 nghĩa là cứ 1 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 3,322 đồng là vốn huy động từ bên ngoài và vốn chiếm dụng.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 3,32% (có nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đem lại được 3,32 đồng lợi nhuận).

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 1,32% (có nghĩa là 100 đồng doanh thu đem lại được 1,32 đồng lợi nhuận).

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước đạt 5.780 triệu đồng.

3. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *Thanh*

Long
Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

I. Thông tin chung:

Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức là cổ phần có vốn nhà nước tham gia với ngành nghề hoạt động chính là cung cấp dịch vụ công ích và thi công xây dựng công trình. Bao gồm chăm sóc cây xanh, vệ sinh đường phố, thu gom vận chuyển xử lý rác thải và vận hành quản lý đèn chiếu sáng công cộng.

- Tổng Vốn điều lệ: 17.420 triệu đồng. Trong đó vốn góp nhà nước 11.520 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 66,1% tổng vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

1. Bảng phân tích số liệu:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	22.209,7	27.779,6	5.569,9	125,1%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	18.903	24.205,4	5.302,4	128,1%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	19.539	20.793	1.254	106,4%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	18.359,0	19.344,5	985,5	1,1
3	Khoản phải thu ngắn hạn	5.434	8.596	3.162	158,2%
	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	0,0	0,0	0,0	0,0%
4	Tổng nợ phải trả	2.671	6.986	4.315	261,5%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	2.671	6.986	4.315	261,5%
5	Hàng tồn kho	1.839	1.518,5	-320,5	82,6%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	19.807,1	18.925,8	-881,3	95,6%
	<i>Trong đó:</i>				

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
	- Doanh thu hoạt động SXKD	19.495,7	18.691,6	-804,1	95,9%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	310,4	234,2	-76,2	75,5%
2	Tổng chi phí	18.332,7	17.110,6	-1.222,1	93,3%
	Trong đó:				
	- Chi phí hoạt động SXKD	18.326,1	17.091,4	-1.234,7	93,3%
	- Chi phí hoạt động tài chính	5,2	0,0	-5,2	0,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.474,4	1.815,2	340,8	123,1%
4	Chi phí thuế TNDN	294,6	366,9	72,3	124,5%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.179,8	1.448,3	268,5	122,8%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ / tổng tài sản	0,12	0,25	0,13	209,1%
2	Hệ số nợ / nguồn vốn CSH	0,14	0,34	0,20	245,8%
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH	6,4%	7,5%	1,1%	116,5%
4	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	6,0%	7,7%	1,7%	128,5%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	7,08	3,46	-3,61	49,0%
6	Hệ số thanh toán nhanh	6,39	3,25	-3,14	50,8%
7	Hệ số bảo toàn vốn	0,96	1,05	0,09	109,6%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				
1	Doanh thu công ích	10.500	12.870	2.370	122,6%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	53%	68%	15%	128,3%

(Nguồn số liệu từ báo cáo tài chính 06 tháng năm 2019 của doanh nghiệp)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính:

Tổng tài sản của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2019 là 27.779,6 triệu đồng, tăng 5.569,9 triệu đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.

- Nguồn vốn chủ sở hữu: 20.793 triệu đồng, bao gồm vốn góp của các cổ đông là 17.420 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 11.520 triệu đồng.

- Nợ phải trả: 6.986 triệu đồng, trong đó thuế và các khoản nộp ngân sách 258,7 triệu đồng.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,34 lần nhỏ hơn 1, điều này cho thấy công ty chủ động được tài chính.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2019 là 18.925,8 triệu đồng, giảm 881 triệu đồng, bằng 95,6% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 59% so với kế hoạch giao. Trong đó, doanh thu của hoạt động công ích 12.870 triệu đồng chiếm 68% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 1.448 triệu đồng, tăng 268,5 triệu đồng, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 53,6% so với kế hoạch giao.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 7,5%, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2018. Điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019 tốt hơn so với cùng kỳ năm 2018.

- Hệ số bảo toàn vốn bằng $1,05 > 1$, doanh nghiệp bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.

Nhận xét: Kết quả hoạt động trong 06 tháng đầu năm 2019, doanh thu công ty giảm 4,4% so với thực hiện năm 2018, lợi nhuận tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2018, điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019 mặc dù doanh thu giảm, nhưng công ty đã tiết kiệm chi phí mang lại hiệu quả tốt hơn so với cùng kỳ năm 2018.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh nghiệp có thực hiện hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực thu gom và vận chuyển rác thải theo đơn đặt hàng của nhà nước và nhận đặt hàng của các doanh nghiệp khác. Doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích trong 06 tháng đầu năm 2019 là 12.870 triệu đồng, chiếm 68% tổng doanh thu trong kỳ.

4. Tình hình thu nộp Ngân sách

- Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước 1.499,8 triệu đồng đạt 53,6% so với kế hoạch giao. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 367 triệu đồng.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 1.919 triệu đồng. Số nợ đọng NSNN đến 30/6/2019 còn phải nộp 188,8 triệu đồng.

5. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 95 người lao động với thu nhập bình quân 5 triệu đồng/người/tháng.

6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty chấp hành tốt các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

7. Tình hình thực hiện kế hoạch thoái vốn

Theo kế hoạch 110/KH-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh, Công ty sẽ thực hiện thoái vốn trong năm 2018, tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ sau khi thoái vốn là 36%. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Công ty gặp khó khăn vướng mắc trong việc xác định giá trị lợi thế quyền thuê đất do trụ sở làm việc Công ty còn đang tranh chấp ranh giới với các hộ dân nên chưa có diện tích chính xác, vì vậy quá trình thoái vốn kéo dài không đúng theo tiến độ kế hoạch đề ra.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, UBND tỉnh đã yêu cầu người đại diện vốn nhà nước tại Công ty phối hợp với SCIC để chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn nhà nước về SCIC theo quy định.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Nhìn chung, trong 06 tháng đầu năm 2019 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *[Signature]*

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

I. Thông tin chung

Vốn điều lệ Công ty là 45.419 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 34.937 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 76,9% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Bảng phân tích số liệu

DVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2018	Năm 2019	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	83.509	83.388	-121	99,9%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>55.277</i>	<i>53.202</i>	<i>-2.075</i>	<i>96,2%</i>
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	52.955	57.973	5.018	109,5%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	47.300	47.924	624	101,3%
4	Hàng tồn kho	13.321	11.325	-1.996	85,0%
5	Nợ phải thu	4.716	15.296	10.580	324,3%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>844</i>	<i>814</i>	<i>-30</i>	<i>96,4%</i>
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	<i>4.640</i>	<i>15.221</i>	<i>10.581</i>	<i>328,0%</i>
6	Nợ phải trả	29.924	24.761	-5.163	82,7%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả quá hạn</i>				
	<i>- Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>29.924</i>	<i>24.761</i>	<i>-5.163</i>	<i>82,7%</i>
7	Tổng doanh thu	35.466	33.204	-2.262	93,6%
8	Lợi nhuận trước thuế	7.068	10.053	2.985	142,2%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	5.655	8.042	2.387	142,2%
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,36	0,30		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,63	0,52		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	11,96%	16,78%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	15,94%	24,22%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	1,85	2,15		
15	Hệ số thanh toán nhanh	1,40	1,69		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2018, 2019 của công ty)

2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2019

2.1. Tình hình tài chính

- Tổng tài sản của Công ty là 83.388 triệu đồng, bằng 99,9% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nợ phải thu là 15.296 triệu đồng, bằng 324,3% so với cùng kỳ năm 2018;

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 47.924 triệu đồng, tăng 101,3% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nợ phải trả là 24.761 triệu đồng, bằng 82,7% so với cùng kỳ năm 2018.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 33.204 triệu đồng, giảm 93,6% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 35,3% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế là 8.042 triệu đồng, bằng 142,2% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 68% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2019.

2.3. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán hiện thời của Công ty là 1,69 lần, Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,3.

- Hệ số nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu là 0,52.

3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 16,78%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 24,22%.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 4.584 triệu đồng.

III. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *mmh*

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

I. Thông tin chung:

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là: thu gom và vận chuyển rác thải; vận hành, duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện công nghiệp, điện dân dụng, đường dây tải điện dưới 35KVA; xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi, giao thông và dân dụng, các công trình công ích và thực hiện các dịch vụ công ích; cho thuê các thiết bị chuyên dùng, xe cuốn ép rác, xe thang, xe cầu rỗ, xe cuốc, xe xúc lật, thùng rác, nhà vệ sinh công cộng;

- Tổng vốn điều lệ: 54.000 triệu đồng, trong đó vốn góp nhà nước 35.100 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 65% tổng vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

1. Bảng phân tích số liệu:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	138.043,9	108.085,6	-29.958,3	78,3%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	97.354,6	67.828	-29.526,6	69,7%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	95.110,3	94.765	-345,3	99,6%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	83.148	85.575	2.427	102,9%
3	Khoản phải thu ngắn hạn	3.299,8	22.924	19.624,2	694,7%
	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	46,8	60,5	13,7	129,3%
4	Tổng nợ phải trả	42.933,5	13.320,5	-29.613	31,0%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	42.933,5	13.320,5	-29.613	31,0%
5	Hàng tồn kho	4.318,8	4.994	675,2	115,6%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	55.068,9	51.714	-3.354,9	93,9%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	54.095,8	50.468,2	-3.627,6	93,3%

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	910,6	1.168,5	257,9	128,3%
2	Tổng chi phí	43.517	43.644,1	127,1	100,3%
	Trong đó:				
	- Chi phí hoạt động SXKD	43.465,5	43.463,7	-1,8	100,0%
	- Chi phí hoạt động tài chính	8,8	118,5	109,7	1348,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	11.551,9	8.069,9	-3.482	69,9%
4	Chi phí thuế TNDN	2.327	1.617,4	-709,6	69,5%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.224,9	6.452,5	-2.772,4	69,9%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ / tổng tài sản	0,31	0,12	-0,19	39,6%
2	Hệ số nợ / nguồn vốn CSH	0,45	0,16	-0,30	34,5%
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH	11,1%	7,5%	-3,6%	68,0%
4	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	16,8%	12,5%	-4,3%	74,5%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	2,27	5,09	2,82	224,6%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,17	4,72	2,55	217,7%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,01	1,00	-0,01	99,1%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				
1	Doanh thu công ích	50.834	46.150	-4.684	90,8%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	92,3%	89,2%	0,0	96,7%

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính:

Tổng tài sản Công ty trong 06 tháng đầu năm 2019 là 108.085,6 triệu đồng, giảm 29.958 triệu đồng, bằng 78% so với cùng kỳ năm trước.

- Nguồn vốn chủ sở hữu: 94.765 triệu đồng, bao gồm vốn góp của các cổ đông là 54.000 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 35.100 triệu đồng.

- Nợ phải trả: 13.320,5 triệu đồng, trong đó thuế và các khoản nộp ngân sách 2.584 triệu đồng, chi phí phải trả ngắn hạn 1.663 triệu đồng (chi phí trích trước tiền lương theo kế hoạch).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,16 lần nhỏ hơn 1, điều này cho thấy công ty chủ động được tài chính.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2019 là 51.714 triệu đồng, giảm 3.354,9 triệu đồng và bằng 93,9% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 43,8% so với kế hoạch giao. Trong đó, doanh thu của hoạt động công ích 46.150 triệu đồng chiếm 89% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 6.452,5 triệu đồng, giảm 2.772 triệu đồng, bằng 69,9% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 39,3% so với kế hoạch giao.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 7,5%, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm 2018, điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty có chiều giảm so với cùng kỳ năm 2018.

- Hệ số bảo toàn vốn bằng 1, doanh nghiệp bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.

Nhận xét: Kết quả hoạt động trong 06 tháng đầu năm 2019, doanh thu công ty giảm 6,1%, lợi nhuận giảm 30,1% so với cùng kỳ năm 2018, điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018.

3. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Trong 06 tháng đầu năm 2019 doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước 7.180 triệu đồng đạt 57% so với kế hoạch giao. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 1.617 triệu đồng.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 13.174 triệu đồng. Số nợ đọng NSNN đến 30/6/2019 còn phải nộp 2.584 triệu đồng.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh nghiệp có thực hiện hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực thu gom và vận chuyển rác thải theo đơn đặt hàng của nhà nước và nhận đặt hàng của các doanh nghiệp khác. Doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích trong 06 tháng đầu năm 2019 là 46.150 triệu đồng, giảm 4.684 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018, chiếm 89% tổng doanh thu trong kỳ.

5. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 468 người lao động với thu nhập bình quân 6,8 triệu đồng/người/tháng.

6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty chấp hành tốt các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

7. Tình hình thực hiện kế hoạch thoái vốn:

Theo kế hoạch 110/KH-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh, Công ty sẽ thực hiện thoái vốn trong năm 2018, tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ sau khi thoái vốn là 36%. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Công ty gặp khó khăn vướng

mắc trong việc xác định giá trị lợi thế quyền thuê đất do trụ sở làm việc Công ty còn đang tranh chấp ranh giới với các hộ dân nên chưa có diện tích chính xác, vì vậy quá trình thoái vốn kéo dài không đúng theo tiến độ kế hoạch đề ra.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Công ty phải chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn nhà nước về SCIC theo quy định. Tuy nhiên, do đặc thù là doanh nghiệp thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích của thành phố trọng điểm về du lịch nên UBND tỉnh xin Thủ tướng Chính phủ để lại tỉnh tiếp tục thực hiện thoái vốn theo lộ trình.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Nhìn chung, trong 06 tháng đầu năm 2019 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả chưa cao so với cùng kỳ năm 2018, tuy nhiên Công ty bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *Phan Văn*

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN CÂY XANH VÀ ĐÔ THỊ VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

1. Thông tin chung:

Vốn điều lệ Công ty là 34.000 triệu đồng; trong đó vốn nhà nước là 20.400 triệu đồng, chiếm tỉ lệ 60% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. So với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2019		So sánh
		Kế hoạch	6 tháng đầu năm	
		1	2	3 = 2/1
1	Doanh thu và thu nhập khác	185.000	105.424	56,99%
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	9.000	4.019	44,65%
3	Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	7.562	3.591	47,49%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu	23,3%	10,0%	

2.2. So với thực hiện cùng kỳ năm 2018:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	93.455	140.156	46.701	149,97%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>67.536</i>	<i>107.189</i>	<i>39.653</i>	<i>158,71%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	46.135	44.082	-2.053	95,55%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>41.470</i>	<i>40.063</i>	<i>-1.407</i>	<i>96,61%</i>
3	Tổng doanh thu	96.472	105.424	8.952	109,28%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>96.444</i>	<i>105.350</i>	<i>8.906</i>	<i>109,23%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>8</i>	<i>4</i>	<i>-4</i>	<i>52,98%</i>
4	Tổng chi phí	90.572	100.401	9.829	110,85%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	77.857	99.275	21.418	127,51%
	- Chi phí hoạt động tài chính	975	1.126	151	115,48%
5	Lợi nhuận trước thuế	5.900	5.023	-877	85,14%
	Chi phí thuế TNDN	1.180	1.005	-176	85,13%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.720	4.019	-701	85,14%
8	Nợ phải thu ngắn hạn	45.484	102.808	57.324	226,03%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	43.820	96.073	52.253	219,24%
10	Hàng tồn kho	4.654	2.265	-2.389	48,67%
11	Hệ số nợ / tổng tài sản	0,51	0,34		
12	Hệ số nợ / nguồn vốn CSH	1,03	1,07		
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	11,4%	10,0%		
14	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	4,9%	3,8%		
15	Hệ số thanh toán hiện thời	1,54	1,12		
16	Hệ số thanh toán nhanh	1,44	1,09		
17	Hệ số bảo toàn vốn		1,0		

(Nguồn số liệu từ báo cáo tài chính Quý II năm 2018 và 2019 của Công ty)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản của Công ty tính đến hết 30/6/2019 là 140.156 triệu đồng, tăng 49,97% so với cùng kỳ năm 2018.

- Vốn chủ sở hữu là 44.082 triệu đồng.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 là 105.424 triệu đồng, tăng 9,28% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 57% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 là 4.019 triệu đồng, giảm 14,86% so với cùng kỳ năm 2018 và bằng 44,65% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 (chỉ tiêu là 9.000 triệu đồng).

c. Tình hình công nợ và khả năng thanh toán:

- Nợ phải thu ngắn hạn tính đến 30/6/2019 của Công ty là 102.808 triệu đồng, tăng 126,03% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 là 45.484 triệu đồng).

- Nợ phải trả ngắn hạn tính đến 30/6/2019 là 96.073 triệu đồng, tăng 119,24% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 là 43.820 triệu đồng).

- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt 1,09. Công ty có khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số thanh toán hiện thời của Công ty là 1,12. Điều này có nghĩa Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,34 (có nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 34 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay).

- Hệ số nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân của Công ty là 1,07 nghĩa là cứ 1 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 1,07 đồng là nguồn chiếm dụng.

2.3 Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 10% (có nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đem lại được 10 đồng lợi nhuận).

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu: 3,8% (có nghĩa là 100 đồng doanh thu đem lại được 3,8 đồng lợi nhuận).

b. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 3.591 triệu đồng.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 3.771 triệu đồng, đạt 49,49% so với kế hoạch giao. Số còn phải nộp NSNN đến 30/06/2019 là 803 triệu đồng.

2.4 Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty có thực hiện hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực Quản lý chăm sóc, bảo vệ, duy tu, sửa chữa, tôn tạo và trồng mới các công viên cây xanh; theo đơn đặt hàng của nhà nước và nhận đặt hàng của các doanh nghiệp khác với doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích của nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 là 76.751 triệu đồng chiếm tỷ trọng 72,8% tổng doanh thu thực hiện và bằng 55,66% tổng doanh thu kế hoạch thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2019 đã được chủ sở hữu giao.

2.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Tình hình thực hiện thoái vốn

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 110 /KH-UBND ngày 11/10/2017 của UBND Tỉnh thì Công ty thuộc danh sách các Công ty thực hiện thoái vốn trong năm 2019.

- Tỷ lệ thoái 24% phần vốn nhà nước;
- Tỷ lệ vốn Nhà nước còn nắm giữ sau khi thoái vốn: 36%/vốn điều lệ.

Đến nay Công ty đã hoàn thành chứng thư xác định giá trị doanh nghiệp để thoái vốn.

4. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2019 Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tuân thủ tốt chế độ chính sách và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *mmh*

ng

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. So với kế hoạch:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2019		So sánh
		Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	
		1	2	3 = 2/1
1	Doanh thu và thu nhập khác	32.500	11.491	35,36%
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	880	-1.392	-158,18%
3	Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	1840	441	23,97%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	2,1%	-3,48%	

b. So với thực hiện cùng kỳ năm 2018:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	109.533	110.146	613	100,56%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	11.650	14.019	2.369	120,34%
	<i>Tài sản dài hạn</i>	97.884	96.127	-1.757	98,21%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	40.385	39.996	-389	99,04%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	40.384	40.942	558	101,38%
3	Tổng doanh thu	20.054	11.491	-8.563	57,30%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	20.049	10.190	-9.859	50,83%
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	1	2	1	200,00%
4	Tổng chi phí	18.392	12.883	-5.509	70,05%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	14.666	12.024	-2.642	81,99%
	- Chi phí hoạt động tài chính	1.242	616	-626	49,61%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.662	-1.392	-3.054	-83,77%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.312	-1.392	-2.704	-106,12%
7	Nợ phải thu ngắn hạn	995	1.624	629	163,23%
8	Hàng tồn kho	10.376	12.195	1.819	117,53%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	34.861	14.635	-20.226	41,98%
10	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,63	0,63		
11	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	1,71	1,73		
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	3,25%	-3,48%		
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	6,54%	-12,11%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	0,33	0,96		
15	Hệ số thanh toán nhanh	0,04	0,12		
16	Hệ số bảo toàn vốn		1,01		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019 của công ty)

Nhận xét:

Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2019 là 11.491 triệu đồng bằng 57,3% so với cùng kỳ năm trước; lỗ 1.392 triệu đồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty đã thực hiện khai thác 33,03ha keo lai, đạt 106% kế hoạch năm. Tuy nhiên, do mùa vụ khai thác cao su mới bắt đầu nên lượng mủ còn ít, bên cạnh đó, giá thị trường cao su cũng giảm mạnh nên lĩnh vực kinh doanh cao su của Công ty bị lỗ. Sản lượng mủ cao su sản xuất 6 tháng đầu năm 2019: 119 tấn đạt 14% so với kế hoạch năm, sản lượng tiêu thụ: 250 tấn đạt 30% so với kế hoạch năm.

1.2. Tình hình tài chính của Công ty:

- Tổng Tài sản: 6 tháng đầu năm 2019, tổng tài sản của công ty là 110.146 triệu đồng tăng 0,56% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nguồn vốn: 6 tháng đầu năm 2019, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty là 39.996 triệu đồng, giảm 0,06% so với cùng kỳ năm 2018.

*** Đánh giá tình hình tài chính thông qua tính toán một số chỉ tiêu:**

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 6 THÁNG		Tăng (+); Giảm (-)
		2018	2019	
		1	2	3=2-1
1	Khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	6,54%	-12,11%	-18,65%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	1,20%	-1,26%	-2,46%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	3,25%	-3,48%	-6,73%
2	Khả năng thanh toán			0,00%
	Tổng tài sản/tổng nợ phải trả	1,58	1,57	-1,39%
	Tổng tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn	0,33	0,96	62,37%
	Tổng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn	0,02	0,01	-1,02%
3	Cơ cấu tài sản			0,00%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	10,64%	12,73%	2,09%
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	89,36%	87,27%	-2,09%
	Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn	11,90%	14,58%	2,68%
4	Cơ cấu nguồn vốn			0,00%
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	63,13%	63,69%	0,56%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	36,87%	36,31%	-0,56%
	Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	171,22%	175,39%	4,17%

Nhận xét:

- Về khả năng sinh lời: do kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty bị lỗ nên không có khả năng sinh lời.

- Về khả năng thanh toán: hệ số tổng tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn của công ty nhỏ hơn 1 vì thế Công ty có khả năng không trả hết các khoản nợ ngắn hạn đúng hạn.

- Về các chỉ tiêu cân đối nợ, cơ cấu tài chính, tài sản: Kết cấu tài sản của công ty cho thấy tài sản của công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, tỷ trọng tài sản ngắn hạn thấp, vốn lưu động của công ty rất ít.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: 6 tháng đầu năm 2019, công ty không có đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

- Tình hình đầu tư tài sản: Công ty không có thực hiện đầu tư các dự án mới.

- Tình hình huy động vốn: Tổng nợ phải trả lũy kế đến ngày 30/6/2019 là 70.150 triệu đồng, bao gồm vay ngắn hạn là 12.790 triệu đồng.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Công ty không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

- Tình hình công nợ: Công nợ phải thu đến ngày 30/6/2019 là 1.624 triệu đồng.

- Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
	(triệu đồng)	(triệu đồng)	
	1	2	3 = 1/2
Vốn chủ sở hữu, trong đó:	40.384	40.492	1,01
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.614	37.614	
2. Quỹ đầu tư phát triển	2.673	3.231	
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	97	97	

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn được vốn.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH *Phmnh*

ong
Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT TỈNH BR - VT

Chủ sở hữu: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết tỉnh (Công ty) là doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2019 là 610.000 triệu đồng.

1.1 Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. So với kế hoạch:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019		So sánh	
		Kế hoạch	thực hiện 06 tháng đầu năm	Giá trị	%
1	Doanh thu và thu nhập khác	3.444.060	1.847.606	-1.596.454	53,6%
2	Lợi nhuận sau thuế	400.000	234.910	-165.090	58,7%
3	Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	1.280.000	905.938	-374.062	70,8%
4	Tỷ suất lợi sau thuế/Vốn CSH	51,90%	38,51%	-13,39%	74,2%

b. So với thực hiện 6 tháng đầu năm 2018:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	1.203.776	1.093.577,9	-110.198,1	90,8%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	1.011.483	1.048.214,7	36.731,7	103,6%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	975.062,9	842.659,8	-132.403,1	86,4%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	770.309,9	610.000,0	-160.309,9	79,2%
3	Khoản phải thu ngắn hạn	216.967	245.397,7	28.430,7	113,1%
	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	0,0	0,0	0,0	0,0%
4	Tổng nợ phải trả	228.713,4	250.918	22.204,6	109,7%

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2018	2019	Giá trị	%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	228.893,4	250.653	22.159,6	109,7%
5	Hàng tồn kho	12.093,3	13.252	1.158,7	109,6%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	1.663.221,7	1.847.606,3	184.384,6	111,1%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Doanh thu hoạt động SXKD	1.650.823,7	1.835.366,9	184.543,2	111,2%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	11.879,0	11.787,8	-91,2	99,2%
2	Tổng chi phí	1.404.818,2	1.553.967,4	149.149,2	110,6%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	1.404.724,5	1.553.876,8	149.152,3	110,6%
	- Chi phí hoạt động tài chính	0,0	0,0	0,0	0,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	258.403,5	293.638,9	35.235,4	113,6%
4	Chi phí thuế TNDN	51.700,5	58.729,1	7.028,6	113,6%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	206.703,0	234.909,8	28.206,8	113,6%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ / tổng tài sản	0,19	0,23	0,04	120,8%
2	Hệ số nợ / nguồn vốn CSH	0,23	0,41	0,18	175,4%
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH	26,8%	38,5%	11,7%	143,5%
4	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	12,4%	12,7%	0,3%	102,3%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	4,43	4,18	-0,24	94,5%
6	Hệ số thanh toán nhanh	4,37	4,13	-0,24	94,4%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,00	1,00	0,00	100,0%

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính 06 tháng năm 2019 của Công ty)

Từ bảng số liệu trên cho thấy kết quả 6 tháng đầu năm 2019:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2019 là 1.847.606 triệu đồng, tăng 184.835 triệu đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 53,6% so với kế hoạch giao. Trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh 1.835.367 triệu đồng, tăng 184.543 triệu đồng và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2018.

- Tổng chi phí trong 06 tháng đầu năm 2019 là 1.553.967 triệu đồng, tăng 149.149 triệu đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 là 234.910 triệu đồng, tăng 28.207 triệu đồng tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 58,7% so với kế hoạch.

1.2 Tình hình tài chính của Doanh nghiệp:

- Tổng Tài sản 6 tháng đầu năm 2019 là 1.093.578 triệu đồng, giảm 110.198 triệu đồng, bằng 90,8% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty 842.660 triệu đồng, giảm 132.403 triệu đồng, bằng 86,4% so với cùng kỳ năm 2018.

- Các khoản phải thu đến ngày 30/06/2019 là 245.398 triệu đồng, tăng 28.431 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó phải thu đại lý 216.792 triệu đồng, đây là khoản nợ luân chuyển tiền bán vé số công ty cho nợ theo quy định của Bộ Tài chính và quy chế quản lý nợ, công ty không phát sinh nợ quá hạn.

- Nợ phải trả đến ngày 30/06/2019 là 250.918 triệu đồng, chủ yếu là các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Trong đó thuế phải nộp 112.003 triệu đồng, dự phòng rủi ro trả thưởng 120.589 triệu đồng.

- Về khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ bằng 38,5% (tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2018), điều này cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra được 38,5 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Về khả năng thanh toán: các hệ số về khả năng thanh toán của công ty đều lớn hơn 4, cho thấy tình hình tài chính của công ty lành mạnh, công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả.

- Về các chỉ tiêu cân đối nợ, cơ cấu tài chính, tài sản: Từ biểu số liệu về cơ cấu nguồn vốn trên cho thấy công ty có khả năng tự chủ tài chính tốt (tài sản của công ty được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu, công ty không có đi vay). Kết cấu tài sản của công ty trong 6 tháng đầu năm 2019 không có biến động lớn, tương đối an toàn.

1.3 Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Trong 6 tháng đầu năm 2019, công ty không có đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty không thực hiện việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

1.4 Tình hình thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Thực hiện Quyết định số 929/2012/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh, Công ty đã thực hiện xong việc thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp dự án trụ sở làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh đã bàn giao cho Ban quản lý Trung tâm hành chính – Chính trị tỉnh. Theo đó công ty đã chuyển vốn đầu tư về ngân sách tỉnh với tổng số tiền 147.276 triệu đồng, số dư còn lại trên tài khoản nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 13.033 triệu đồng, công ty đã chuyển về ngân sách tỉnh theo quy định.

1.5 Tình hình thu nộp Ngân sách:

Trong 06 tháng đầu năm 2019 Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước 998.768 triệu đồng, trong đó thuế phát sinh công ty là 905.938 triệu đồng, đạt 70,8% so

với kế hoạch giao. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 58.729 triệu đồng.

1.6 Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

1.7 Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 123 lao động với thu nhập bình quân 15 triệu đồng/người/tháng.

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xỏ số kiến thiết tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có tình hình tài chính lành mạnh, kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2019



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long